

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2525/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 05 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phân bổ vốn bổ sung thực hiện Chương trình 135, năm 2008****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006; Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 (giai đoạn II); Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 25/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về định mức đầu tư các dự án thuộc Chương trình 135 cho kế hoạch năm 2007 và năm 2008;

Căn cứ vào Văn bản số 7151/BTC-NSNN ngày 20/6/2008 của Bộ Tài chính về việc bổ sung nguồn vốn thực hiện Chương trình 135, năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi đến năm 2010;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 455/KH&ĐT-VX ngày 06 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt phân bổ 49.118 triệu đồng nguồn vốn bổ sung Chương trình 135, năm 2008 như sau:

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản ĐBKK: 30.400 triệu đồng.
- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất: 8.230 triệu đồng.
- Dự án đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã ĐBKK: 2.610 triệu đồng.
- Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư: 3.814 triệu đồng.
- Chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo học tại các lớp mẫu giáo và học sinh bán trú tại các trường phổ thông thuộc địa bàn Chương trình 135: 4.064 triệu đồng.

(Có phụ biểu danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm triển khai thực hiện:

1. Chủ tịch UBND các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Ba, Tam Nông quyết định phân bổ mức vốn cho từng dự án, từng công trình và danh sách các hộ được hỗ trợ vốn phát triển sản xuất của từng xã, thôn, bản ĐBKK trên địa bàn. Phê duyệt các thủ tục thực hiện đầu

tư xây dựng theo quy định Nhà nước hiện hành; cân đối, lồng ghép các nguồn vốn khác để triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định, đảm bảo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, đảm bảo nguyên tắc: Thanh toán dứt điểm các công trình đã thi công hoàn thành; các công trình mới phải đúng danh mục được duyệt và cân đối đủ nguồn vốn để thi công hoàn thành. Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ và Kho bạc Nhà nước các huyện chịu trách nhiệm chuyển vốn và thanh, quyết toán vốn theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ, Kho bạc Nhà nước các huyện; Chủ tịch UBND các huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Thanh Ba, Tam Nông và các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Doãn Khánh

PHÂN BỐ VỐN BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2008(Kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 05/9/2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công việc, công trình	Phân bổ vốn bổ sung kế hoạch năm 2008	Ghi chú (Chủ đầu tư)
	TỔNG SỐ	49.118	
I	Dự án đầu tư CSHT các xã, thôn bản ĐBKK	30.400	
A	Đầu tư CSHT các xã ĐBKK	4.300	(1)
1	Huyện Thanh Sơn	1.175,5	UBND huyện, xã ĐBKK (1a)
2	Huyện Tân Sơn	1.095,5	UBND huyện, xã ĐBKK (1b)
3	Huyện Yên Lập	1.300	UBND huyện, xã ĐBKK
4	Huyện Đoan Hùng	460	UBND huyện, xã ĐBKK
5	Huyện Thanh Thủy	170	UBND huyện, xã ĐBKK
6	Huyện Hạ Hòa	100	UBND huyện Hạ Hòa
B	Đầu tư CSHT các thôn bản ĐBKK	26.100	(2)
1	Huyện Thanh Sơn	3.300	UBND huyện Thanh Sơn
2	Huyện Tân Sơn	950	UBND huyện Tân Sơn
3	Huyện Yên Lập	2.380	UBND huyện Yên Lập
4	Huyện Đoan Hùng	3.500	UBND huyện Đoan Hùng
5	Huyện Thanh Thủy	2.910	UBND huyện Thanh Thủy
6	Huyện Hạ Hòa	1.650	UBND huyện Hạ Hòa
7	Huyện Cẩm Khê	8.510	UBND huyện Cẩm Khê
8	Huyện Thanh Ba	1.280	UBND huyện Thanh Ba
9	Huyện Tam Nông	1.620	UBND huyện Tam

			Nông
II	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	8.230	(3)
A	Các xã ĐBK	3.010	(3a)
1	Huyện Thanh Sơn	580	UBND huyện Thanh Sơn
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	373	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	207	
2	Huyện Tân Sơn	1.010	UBND huyện Tân Sơn
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	649	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	361	
3	Huyện Yên Lập	910	UBND huyện Yên Lập
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	585	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	325	
4	Huyện Đoan Hùng	320	UBND huyện Đoan Hùng
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	206	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	114	
5	Huyện Thanh Thủy	120	UBND huyện Thanh Thủy
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	77	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	43	

6	Huyện Hạ Hòa	70	UBND huyện Hạ Hòa
-	Hỗ trợ máy móc, thiết bị phục vụ chế biến	45	
-	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình kinh tế điển hình để trình diễn và nhân ra diện rộng	25	
B	Các thôn bản ĐBKK	5.220	(3b)
	Huyện Thanh Sơn	660	UBND Huyện Thanh Sơn
	Huyện Tân Sơn	190	UBND Huyện Tân Sơn
	Huyện Yên Lập	478	UBND Huyện Yên Lập
	Huyện Đoan Hùng	700	UBND Huyện Đoan Hùng
	Huyện Thanh Thủy	580	UBND Huyện Thanh Thủy
	Huyện Hạ Hòa	330	UBND Huyện Hạ Hòa
	Huyện Cẩm Khê	1.700	UBND Huyện Cẩm Khê
	Huyện Thanh Ba	258	UBND Huyện Thanh Ba
	Huyện Tam Nông	324	UBND Huyện Tam Nông
III	Dự án đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã, thôn bản ĐBKK	2.610	Ban Dân tộc tỉnh
IV	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư	3.814	Phân bổ sau (khi có hướng dẫn)
V	Chính sách hỗ trợ học sinh con hộ nghèo học tại các lớp mẫu giáo và học sinh bán trú tại các trường phổ thông thuộc địa bàn Chương trình 135	4.064	(4)

Ghi chú:

(1) Vốn bổ sung đầu tư xây dựng CSHT được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ cho các xã, thôn bản ĐBKK (Quyết định số 1278/2008/QĐ-UBND ngày 13/5/2005) của Ủy ban nhân dân tỉnh). Vốn bổ sung năm 2008 tập trung thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành từ năm 2007 trở về trước; các công trình được khởi công XD mới có phụ biểu kèm theo.

(1a) Huyện Thanh Sơn được bố trí vốn bổ sung năm 2008 là 1.174,5 triệu đồng, trong đó theo tiêu chí là 830 triệu đồng, chuyển từ huyện Tân Sơn sang 344,5 triệu đồng để thanh toán cho 3 công trình hoàn thành (năm 2006 huyện Thanh Sơn là chủ đầu tư): Đường tràn suối Chiềng xã Kim Thượng 80,9 triệu đồng; kiên cố hóa đầu mối phai Vương xã Lai Đồng 213,8 triệu đồng; nhà điều hành trường PTCS xã Xuân Sơn 49,8 triệu đồng.

(1b) Huyện Tân Sơn, vốn bổ sung 2008 tính theo tiêu chí được bố trí 1.440 triệu đồng, chuyển cho huyện Thanh Sơn 344,5 triệu đồng để thanh toán 3 công trình năm 2006, vốn giao bổ sung 2008 là 1.095,5 triệu đồng.

(2) Vốn đầu tư CSHT các thôn bản ĐBKK phân bổ cho 174/190 thôn bản. Đối với các xã có từ 5 thôn trở lên chỉ được tính mức vốn đầu tư tối đa 4 thôn/xã theo số điểm từ cao đến thấp và phân bổ vốn thực hiện đầu tư cho (190 thôn) 100% số thôn bản ĐBKK.

(3) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất 8.230 triệu đồng, bao gồm vốn đầu tư phát triển 1.935 triệu đồng (hỗ trợ mua máy móc thiết bị phục vụ chế biến), vốn sự nghiệp 6.295 triệu đồng. Trong đó:

(3a) Hỗ trợ phát triển SX các xã ĐBKK 3.010 triệu đồng, bao gồm vốn đầu tư phát triển 1.935 triệu đồng (hỗ trợ mua máy móc thiết bị phục vụ chế biến), vốn sự nghiệp 1.075 triệu đồng.

(3b) Hỗ trợ phát triển SX các thôn bản ĐBKK 5.220 triệu đồng hỗ trợ sự nghiệp phát triển SX (hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư SX; xây dựng các mô hình trình diễn và nhân ra diện rộng).

(4) Vốn thực hiện chính sách hỗ trợ con hộ nghèo 4.064 triệu đồng, trong đó đã phân bổ 3.550,63 triệu đồng (tại Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 03/7/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh), còn lại 513,37 triệu đồng giao Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ sau khi có đủ hồ sơ, danh sách số học sinh được hưởng theo quy định.

PHÂN BỐ VỐN BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2008(Kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 05/9/2008
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
	TỔNG SỐ	190		26.100	5.220	
I	Huyện Thanh Sơn	23		3.300	660	
1	Xã Hùng Sơn	3		478	96	
		-	Thôn Soi Cả	155	31	
		-	Thôn Bồ Kết	154	31	
		-	Thôn Ngọc Sơn	169	34	
2	Xã Tân Lập	2		310	62	
		-	Thôn Hạnh Thành	162	32	
		-	Thôn Chung	148	30	
3	Xã Văn Miếu	2		317	63	
		-	Thôn Rịa 2	155	31	
		-	Thôn Vắng	162	32	
4	Xã Yên Lãng	3		479	95	
		-	Thôn Gò Đa	155	31	
		-	Thôn Đảnh	162	32	
		-	Thôn Né	162	32	
5	Xã Văn Miếu	4		612	122	
		-	Thôn Xè 1	155	31	
		-	Thôn Xè 2	162	32	
		-	Thôn Thành Công	155	31	
		-	Thôn Tâm Văn	140	28	
6	Xã Dịch Quả	2		310	62	
		-	Thôn Quyết Tiến	155	31	
		-	Thôn Lóng	155	31	
7	Xã Cự Thắng	1	Thôn Xuân Thắng	148	30	
8	Xã Hương Cầm	6		646	130	
		-	Thôn Đồng Sạng	154	31	
		-	Thôn Cháu	168	34	
		-	Thôn Hem	0		
		-	Thôn Lèo	0		
		-	Thôn Lịch 2	155	31	
		-	Thôn Đá Cạn	169	34	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
II	Huyện Tân Sơn	7		950	190	
1	Xã Minh Đài	2		317	63	
		-	Thôn Trào	155	31	
		-	Thôn Vinh Quang	162	32	
2	Xã Văn Luông	5		633	127	
		-	Thôn Mạnh	0		
		-	Thôn Láng	169	34	
		-	Thôn Lôi	155	31	
		-	Thôn Hoàng Văn	155	31	
		-	Thôn Hoàng Hà	154	31	
III	Huyện Yên Lập	19		2.380	478	
1	Thị trấn Yên Lập	2		303	61	
		-	Thôn Mít	148	30	
		-	Thôn Mơ 13	155	31	
2	Xã Nga Hoàng	2		280	56	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 2	140	28	
3	Xã Thượng Long	5		610	122	
		-	Thôn Liên Sơn	140	28	
		-	Thôn Dân Chủ	160	32	
		-	Thôn Móc	0		
		-	Thôn Ói Lốc	155	31	
		-	Thôn Xóm Đình	155	31	
4	Xã Đồng Thịnh	5		597	120	
		-	Thôn Bằng Thung	155	31	
		-	Thôn Thăng Quê	140	28	
		-	Thôn Đồng Bài	0		
		-	Thôn Tân Lập	154	31	
		-	Thôn Lèn	148	30	
5	Xã Phúc Khánh	5		590	119	
		-	Thôn Vông I	140	28	
		-	Thôn Vông II	148	30	
		-	Thôn Xóm Hàm	-		
		-	Thôn Xóm Mát	148	30	
		-	Thôn Minh Chung	154	31	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
IV	Huyện Đoan Hùng	24		3.500	700	
1	Xã Hùng Quan	1	Thôn Đoàn Kết	155	31	
2	Xã Hữu Đô	4		589	118	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 10	154	31	
		-	Khu 3	140	28	
		-	Khu 7	155	31	
3	Xã Phương Trung	1	Khu 6	141	28	
4	Xã Yên Kiện	1	Khu 8	140	28	
5	Xã Vân Đôn	3		429	86	
		-	Khu 1	141	28	
		-	Khu 2	148	30	
		-	Khu 6	140	28	
6	Xã Hùng Long	1	Thôn Đồng Ao	140	28	
7	Xã Bằng Doãn	2		303	61	
		-	Khu 2	148	30	
		-	Khu 5	155	31	
8	Xã Phú Thù	3		422	84	
		-	Khu 1	141	28	
		-	Khu 5	141	28	
		-	Khu 6	140	28	
9	Xã Minh Lương	2		280	56	
		-	Khu 2	140	28	
		-	Khu 6	140	28	
10	Xã Ngọc Quan	2		289	58	
		-	Khu 1	148	30	
		-	Khu 2	141	28	
11	Xã Minh Phú	1	Khu 3	155	31	
12	Xã Vụ Quang	3		457	91	
		-	Khu 3	140	28	
		-	Khu 5	155	31	
		-	Khu 8	162	32	
V	Huyện Thanh Thủy	20		2.910	580	
1	Xã Tu Vũ	2		315	61	
		-	Khu 1	155	30	
		-	Khu 7	160	31	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
2	Xã Trung Nghĩa	1	Khu 7	140	28	
3	Xã Trung Thịnh	1	Khu 3	148	30	
4	Xã Hoàng Xá	4		618	122	
		-	Khu 7	155	31	
		-	Khu 19	155	31	
		-	Khu 20	154	30	
		-	Khu 21	154	30	
5	Xã Sơn Thủy	2		324	65	
		-	Khu 1	155	31	
		-	Khu 7	169	34	
6	Xã Tân Phương	3		436	88	
		-	Khu 4	140	28	
		-	Khu 5	148	30	
		-	Khu 7	148	30	
7	Xã Thạch Đồng	2		295	59	
		-	Khu 1	155	31	
		-	Khu 8	140	28	
8	Xã Đào Xá	5		634	127	
		-	Khu 6	155	31	
		-	Khu 8	169	34	
		-	Khu 15	155	31	
		-	Khu 17	155	31	
		-	Khu 19	0		
VI	Huyện Hạ Hòa	11		1.650	330	
1	Xã Lệnh Khanh	2		323	65	
		-	Khu 1	168	34	
		-	Khu 2	155	31	
2	Xã Phụ Khánh	2		280	56	
		-	Khu 1	140	28	
		-	Khu 10	140	28	
3	Xã Xuân Áng	2		310	62	
		-	Khu 4	148	30	
		-	Khu 11	162	32	
4	Xã Văn Lang	1	Khu 9	140	28	
5	Xã Vô Tranh	2		303	61	
		-	Khu 10	148	30	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
		-	Khu 11	155	31	
6	Xã Hậu Bông	1	Khu 8	154	30	
7	Xã Yên Luật	1	Khu 6	140	28	
VII	Huyện Cẩm Khê	64		8.510	1.700	
1	Xã Phụng Vũ	6		606	122	
		-	Thôn Mỏ Sẻ	155	31	
		-	Thôn Đát	148	30	
		-	Thôn Cây Lụ	148	30	
		-	Thôn Mới	155	31	
		-	Thôn Rừng Măng	0		
		-	Thôn số 6	0		
2	Xã Tiên Lương	6		598	120	
		-	Thôn số 3	0		
		-	Thôn số 5	148	30	
		-	Thôn số 6	155	31	
		-	Thôn số 7	140	28	
		-	Thôn số 9	155	31	
		-	Thôn số 10	0		
3	Xã Tam Sơn	5		589	116	
		-	Thôn số 3	155	30	
		-	Thôn số 4	154	30	
		-	Thôn số 5	140	28	
		-	Thôn số 9	140	28	
		-	Thôn số 11	0		
4	Xã Văn Bán	3		465	93	
		-	Thôn số 5	155	31	
		-	Thôn số 6	155	31	
		-	Thôn số 9	155	31	
5	Xã Hương Lung	3		465	93	
		-	Thôn số 8	155	31	
		-	Thôn số 3	155	31	
		-	Thôn số 10	155	31	
6	Xã Tạ Xá	4		676	136	
		-	Thôn Phú An	169	34	
		-	Thôn Hồ Leo	169	34	
		-	Thôn Phú Cường	169	34	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
		-	Thôn số 6	169	34	
7	Xã Tùng Khê	3		464	90	
		-	Thôn số 4	155	30	
		-	Thôn số 5	155	30	
		-	Thôn số 9	154	30	
8	Xã Văn Khúc	5		582	116	
		-	Thôn Liên Tiếp	148	30	
		-	Thôn Rừng Vàng	154	30	
		-	Thôn Gò Khế	140	28	
		-	Thôn Gò Cao	140	28	
		-	Thôn Gò Làng	0		
9	Xã Chương Xá	4		575	114	
		-	Thôn Số 6	140	28	
		-	Thôn Số 7	155	30	
		-	Thôn Số 2	140	28	
		-	Thôn Số 4	140	28	
10	Xã Điều Lương	4		560	112	
		-	Thôn Cửa Ải	140	28	
		-	Thôn Huân Trâm	140	28	
		-	Thôn Tân Phú	140	28	
		-	Thôn Voi 2	140	28	
11	Xã Đồng Lương	3		428	86	
		-	Thôn Bờ Chằm	140	28	
		-	Thôn Đôn Điền	148	30	
		-	Thôn Đá Dải	140	28	
12	Xã Yên Dưỡng	5		583	117	
		-	Thôn Số 1	140	28	
		-	Thôn Số 7	155	31	
		-	Thôn Số 8	148	30	
		-	Thôn Số 9	140	28	
		-	Thôn Số 10	0		
13	Xã Sơn Tĩnh	1	Thôn số 1	140	28	
14	Xã Ngô Xá	2		310	62	
		-	Thôn số 4	155	31	
		-	Thôn số 10	155	31	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
15	Xã Sơn Nga	2		288	58	
		-	Thôn Chùa Dương	140	28	
		-	Thôn Quang Trung	148	30	
16	Xã Thụy Liễu	2		296	60	
		-	Thôn Số 3	148	30	
		-	Thôn Số 5	148	30	
17	Xã Cáp Dẫn	2		280	56	
		-	Thôn Đoàn Kết	140	28	
		-	Thôn Tân Lập	140	28	
18	Xã Phú Khê	1	Thôn Đồng Mười	140	28	
19	Xã Tuy Lộc	2		310	62	
		-	Thôn 1 Thủy Trâm	155	31	
		-	Thôn 2 Thủy Trâm	155	31	
20	Xã Xương Thịnh	1	Thôn Gò Hèo	155	31	
VII I	Huyện Thanh Ba	9		1.280	258	
1	Xã Năng Yên	1	Thôn Đồng Kéo	140	28	
2	Xã Hoàng Cương	1	Thôn Hoàng	148	30	
3	Xã Võ Lao	1	Thôn Cái Mây	140	28	
4	Xã Ninh Dân	1	Thôn Thanh Long	140	28	
5	Xã Khải Xuân	1	Thôn Liên Sơn	140	28	
6	Xã Đồng Xuân	1	Thôn Đen	140	29	
7	Xã Hanh Cù	2		280	56	
		-	Thôn Bãi Cạn	140	28	
		-	Thôn Sông Thao	140	28	
8	Xã Yên Khê	1	Thôn Nhà Trích	152	31	
IX	Huyện Tam Nông	13		1.620	324	
1	Xã Thọ Văn	4		563	112	
		-	Khu 6	141	28	
		-	Khu 7	141	28	
		-	Khu 8	141	28	
		-	Khu 9	140	28	
2	Xã Quang Húc	3		458	92	
		-	Khu 1	148	30	
		-	Khu 2	155	31	
		-	Khu 3	155	31	

ST T	Tên huyện, xã	Thôn bản ĐBKK		Đầu tư CSHT năm 2008 (Triệu đồng)	Hỗ trợ PTSX năm 2008 (Triệu đồng)	Ghi chú
		Tổng số thôn	Thôn được đầu tư			
3	Xã Tè Lẽ	6		599	120	
		-	Khu 1	141	28	
		-	Khu 2	155	31	
		-	Khu 3	0		
		-	Khu 4	155	31	
		-	Khu 5	148	30	
		-	Khu 14	0		